TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2022/QĐST-DS	*Chơn Thành, ngày 16 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai D, sinh năm 1947. Địa chỉ: Tổ 4, KP.1, TT. C, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Hàng H, sinh năm 1970. Địa chỉ: KP. 4, TT. C, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyên T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm S sinh năm 1991 và Nguyễn A, sinh năm 1993. Cùng địa chỉ: Xã N, huyện X, tỉnh Nam Định
- Bà Mai H, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ 4, KP.1, TT. C, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Bình Phước
- Anh Mai P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 4, KP.1, TT. C, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Bình Phước
- Chị Phạm C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 4, KP.1, TT. C, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Thống nhất giao cho hộ ông Mai D được quản lý sử dụng phần đất là 2,1m^2 (bao gồm hành lang bảo vệ đường bộ đường đất) có chiều dài phần đất các cạnh như sau: Phía Bắc dài 3.47m, 7.85m; phía Đông dài 0.07m; phía Nam dài 7.80m, 3.55m; Tây dài 0.33m; phần đất này nằm trong tổng diện tích đất 55.6m^2 thuộc thửa đất thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: khu khố 1, thị trấn C, huyện T (nay là P.L, thị xã T), tỉnh Bình Phước, đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 972676 cho

hộ ông Hoàng S, bà Phạm K có nội dung thay đổi cơ sở pháp lý là chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hàng H, sinh năm 1970, CMND số 285426805. Địa chỉ khu phố 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85, diện tích 55,6m^2 (ODT), theo hồ sơ số 25432. CN.148631 ngày 12/02/2020.

Bà Hàng H quản lý sử dụng phần đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 972676 mà bà H được cấp với diện tích 53.5m^2 (giảm từ 55,6m^2 xuống 53,5m^2) trong đó chiều dài phía trước mặt tiền đường Lạc Long Quân (cạnh đông) là 4.75m, phía sau mặt tiền đường đất (cạnh tây) là 3.95m, 0.77m theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 972676 cho hộ ông Hoàng S, bà Phạm K có nội dung thay đổi cơ sở pháp lý là chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Hàng H, sinh năm 1970, CMND số 285426805. Địa chỉ khu phố 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85, diện tích 55,6m^2 (ODT), theo hồ sơ số 25432. CN.148631 ngày 12/02/2020

Thống nhất giao bà Hàng H được quản lý sử dụng phần có diện tích 0,7m^2 có chiều dài phần đất các cạnh như sau: Phía Bắc dài 11.27m; phía Đông dài 0.05m; phía Nam dài 11.27m; Tây dài 0.08m; phần đất này nằm trong tổng diện tích đất 56.9m^2 thuộc thửa đất thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 85, địa chỉ: khu khố 1, thị trấn C, huyện T (nay là P. L, thị xã T), tỉnh Bình Phước, đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 386045 cho bà Mai O có nội dung thay đổi cơ sở pháp lý là chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Phạm S, sinh năm 1991, CMND số 163153563 và vợ là Nguyễn A, sinh năm 1993, CCCD số 036193004099. Địa chỉ xã N, huyện X, tỉnh Nam Định, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 85, diện tích 56,9m^2 (ODT), theo hồ sơ số 25432. CN.187624.

Anh Phạm S, chị Nguyễn A quản lý sử dụng phần đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 386045 mà anh S, chị A được cấp với diện tích 56.2m^2 (giảm từ 56,9m^2 xuống 56,2m^2) trong đó chiều dài phía trước mặt tiền đường Lạc Long Quân (cạnh đông) là 5m, phía sau giáp thửa số 6 (cạnh tây) là 5m.

Có sơ đồ kèm theo

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng với phần đất mà các bên đã thỏa thuận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai D phải nộp 150.000 đồng, tuy nhiên ông D thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại khoản 1, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông D không phải nộp án phí. Bà Hàng H phải nộp 150.000 đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ung Thị Ngọc Thanh

-